TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
"v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và ông Vũ Nguyên Đăng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1992; Nơi ở hiện nay: Số nhà Y, đường A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Tiêu Thanh T, sinh năm 1987; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tiêu Thanh B, sinh năm 1958; nơi cư trú: Khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị và anh Tiêu Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Năm 2016, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2018, chị cũng sang Đài Loan làm việc. Khi ở Đài Loan, do mỗi người làm một công ty khác nhau nên anh chị không sống cùng nhau mà chỉ gặp nhau vào cuối tuần. Từ thời gian này, vợ chồng chị bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong vấn đề làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2020, anh chị không gặp nhau và không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tiêu Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tiêu Châu Như Q, sinh ngày 05/11/2011 và Tiêu Thanh T5, sinh ngày 01/3/2015, hiện các con đang ở cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị và anh T thống nhất giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi các con là 2.000.000đ/1 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Do hiện nay anh T đang ở Đài Loan nên chị đề nghị Tòa án tạm giao cả hai con cho ông nội là Tiêu Thanh B nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh T ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Ông Tiêu Thanh B (là bố đẻ anh T) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T là do vợ chồng không còn tình cảm, nay chị Th xin ly hôn thì anh T đồng ý. Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng. Anh và chị Th đã thống nhất giao cả 02 con chung là Tiêu Châu Như Q, sinh ngày 05/11/2011 và Tiêu Thanh T5, sinh ngày 01/3/2015 cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cả 02 con cho ông nội là Tiêu Thanh B nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi các con là 2.000.000đ/1 cháu/1 tháng, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Tiêu Thanh B có quan điểm: Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, ông đồng ý nhận ủy quyền của anh T

về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tiêu Châu Như Q và cháu Tiêu Thanh T5, đồng thời ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh Tiêu Thanh T. Về con chung: Giao 02 con chung là Tiêu Châu Như Q, sinh ngày 05/11/2011 và Tiêu Thanh T5, sinh ngày 01/3/2015 cho anh Tiêu Thanh T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng tiền nuôi 2 con là 2.000.000đ/1 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Q và cháu T5 cho ông Tiêu Thanh B (là bố đẻ anh T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh T về Việt Nam. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Tiêu Thanh T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh T đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Tiêu Thanh B là bố đẻ của anh T để ông B thông tin lại cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh T. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Tiêu Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/5/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Th và anh T chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Năm 2016, anh T đi Đài Loan. Năm 2018 chị Th cũng sang Đài Loan làm việc. Trong thời gian ở Đài Loan, hai anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và bất đồng về vấn đề kinh tế. Từ năm 2020 đến nay anh chị không còn gặp gỡ, không liên lạc với nhau. Nay chị Th và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Th và anh Tiêu Thanh T có 02 con chung là Tiêu Châu Như Q, sinh ngày 05/11/2011 và Tiêu Thanh T5, sinh ngày 01/3/2015, hiện đang ở với ông nội là Tiêu Thanh B. Khi ly hôn, chị Th và anh T đều có quan điểm giao cháu Q và cháu T5 cho anh T nuôi dưỡng. Do anh T đang ở nước ngoài nên chị đề nghị tạm giao cả 02 cháu cho ông Tiêu Thanh B nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam. Ông B đồng ý nhận ủy quyền của anh T. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của chị Th và anh T. Tạm giao cháu Tiêu Châu Như Q và Tiêu Thanh T5 cho ông Tiêu Thanh B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th, tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là 2.000.000đồng/1 cháu/1 tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh Tiêu Thanh T.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Tiêu Thanh T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Tiêu Châu Như Q, sinh ngày 05/11/2011 và Tiêu Thanh T5, sinh ngày 01/3/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Q và cháu T5 cho ông Tiêu Thanh B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th, tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là 2.000.000đồng/1 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Th chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004852 ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Tiêu Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất